TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2018/HNGĐ- ST Ngày 06/09/2018. *V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Dũng
Ông Đỗ Hoàng Long

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 101/2018/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX- ST ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Tuấn T Sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyệnT, tỉnh B.

(Có mặt)

*** Bị đơn:** Chị Đỗ Thị Thậ t Sinh năm 1984
HKTT: Thôn L, xã S, huyệnT, tỉnh B
Nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã T, huyệnT, tỉnh B
Hiệ n đã mất tích. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệ u trong hồ sơ vụ án lời trình bày của đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Tuấn T và chị Đỗ Thị T kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2003, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã Song Liễu, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh T ngay, ở chung cùng gia đình khoảng 1 năm sau đó vợ chồng làm ăn riêng và ở riêng nhà.

Anh T trình bày: vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn và sinh hoạt hàng ngày. Dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nói nhau không

còn hạnh phúc. Từ tháng 03/2008 cô T đã về nhà mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ.

Sau khi về nhà mẹ đẻ đến tháng 03/2009 chị Thật đã bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có điện về hỏi thăm con nhưng anh có hỏi ở đâu thì chị Thật không nói. Từ năm 2010 thì chị T không gọi điện về nữa, chúng tôi không có liên lạc gì với nhau từ đó đến nay. Nay vì thời gian chị T bỏ đi đã hơn 8 năm mà không có tin tức gì, Hiện nay chị T ở đâu anh và gia đình chị T cũng không biết. Anh đã đề nghị Toà án nhân dân huyện T tuyên bố mất tích đối với chị T.

Tại quyết định số 06/2018/QDDS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện T đã Tuyên bố chị Đỗ Thị T mất tích. Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho tôi được ly hôn chị Đỗ Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Hải Y sinh ngày 17/10/2003. Từ khi chị T bỏ đi anh vẫn chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến nay, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Anh xác nhận giữa anh và chị T không có gì.

Về công sức lao động: Chị T có thời gian làm ăn chung cùng gia đình anh T là 1 năm, thời gian này gia đình có 5 khẩu, gia đình làm ruộng, kinh tế đủ ăn không mua sắm kiến thiết gì.

Nếu sau này chị T trở về có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản, công nợ và công sức lao động thì anh chị có đơn khởi kiện, Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành niên yết Thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị Đỗ Thị T theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị T vắng mặt lần thứ hai. Do vậy Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Tuấn T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Đỗ Thị T và yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn đã mất tích theo quyết định của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về lệ phí, án phí Tòa án. Tuyên xử;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn T được ly hôn chị Đỗ Thị T.

Về con chung: Tạm giao cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 17/10/2003 cho anh Nguyễn Tuấn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Sau này chị T về các bên có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác .

Về tài sản, công nợ và công sức lao động: Tách phần tài sản, công nợ và công sức lao động để giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi chị T trở về, các bên có đơn yêu cầu.

Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Tuấn T và chị Đỗ Thị T kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2003, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã Song Liễu, huyện T, tỉnh B, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tuấn T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T đã lâu, nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nói nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn sinh hoạt hàng ngày. Do không còn tình cảm vợ chồng nên tháng 3 năm 2008 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và đến tháng 3 năm 2009 chị đã bỏ nhà ra đi cho tới nay. Anh T đã đề nghị Toà án nhân dân huyện T tuyên bố chị T mất tích. Anh T đã đi thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị T theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không thấy tin tức gì của chị T. Toà án nhân dân huyện T ra quyết định số 06/2018/QĐ-DSST ngày 17/05/2018 tuyên bố chị Đỗ Thị T đã mất tích. Nay anh T cho rằng tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị T. HĐXX xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh T là hoàn toàn phù hợp, do vậy cần căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh T được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa anh T và chị T có một con chung là Nguyễn Hải Y sinh ngày 17/10/2003. Từ khi chị T bỏ đi anh vẫn chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến nay. Qua nghe nguyện vọng của cháu Yến muốn tiếp tục được ở với anh T. Ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, phía chị T đã mất tích nên cần chấp nhận nguyện vọng của anh T tạm giao con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, riêng, công nợ và công sức lao độ ng: Do không có lời khai của chị T về phần tài sản, công nợ, công sức vì vậy cần tách ra khi nào các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn T phải chịu 300.000đồng án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn T được ly hôn chị Đỗ Thị T.

2. Về con chung: Tạm giao cháu Nguyễn Hải Y sinh ngày 17/10/2003 cho anh Nguyễn Tuấn T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Sau này chị T về các bên có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác .

3. Về tài sản, công nợ và công sức lao động: Tách phần tài sản, công nợ và công sức lao động để giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi chị T trở về, các bên có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào khoản tiền anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu số 01330 ngày 21/06/2018.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết kết quả bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND huyện T;*
- *THADS huyện T;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Quang Hòa